



VĂN HOÁ KHMER NAM BỘ ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA ĐẤT NƯỚC

Đỗ Thanh Nhân¹, Đỗ Ngọc Qui¹

¹Trường Chính trị Tôn Đức Thắng

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 08/08/2025

Ngày nhận kết quả bình duyệt:
14/10/2025

Ngày chấp nhận đăng: 11/2025

Title: Southern Khmer culture for
the development of the country

Keywords:

Khmer culture, the country of
development

Từ khóa:

Văn hóa Khmer, phát triển đất
nước

ABSTRACT

The Khmer people were present early in the Southern Region and have inherited the achievements of Angkor culture, the rice civilization as well as the customary activities of groups of migrants from Kinh, Hoa, and Cham ethnicities to create a Khmer culture with its own characteristics, yet still ensuring a harmonious element in the Vietnamese ethnic communities. In the process of building and developing the country, Khmer culture has had an important contribution and needs to be preserved and promoted in order to reduce the "invasion" of other cultures, preserve the original elements, which helps preserve the richness and diversity in Vietnamese culture.

TÓM TẮT

Người dân tộc Khmer có mặt sớm ở vùng đất Nam Bộ và đã kế thừa những thành tựu của nền văn hóa Ăngco, nền văn minh lúa nước cũng như những tập tục sinh hoạt của những nhóm lưu dân người Kinh, người Hoa, người Chăm để tạo nên nền văn hóa Khmer với những nét đặc sắc riêng nhưng vẫn đảm bảo yếu tố hài hòa trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước, văn hóa Khmer có những đóng góp quan trọng và cần được gìn giữ và phát huy nhằm chống sự "xâm thực" của các nền văn hóa khác, bảo toàn nguyên vẹn yếu tố gốc có như vậy mới thấy được sự phong phú đa dạng trong nền văn hóa Việt Nam.

1. VĂN HÓA KHMER - VĂN HOÁ MANG ĐẠM MÀU SẮC TÔN GIÁO

¹Trong các trường văn hóa của đồng bào Khmer Nam bộ thì văn hóa tôn giáo nổi lên như một sự tự nhiên vốn có, mặc dù văn hóa tôn giáo đến với đồng bào Khmer Nam bộ không phải là sớm nhất. Không phải "người Khmer thích gọi

tín ngưỡng Phật giáo Theravada", mà thật sự tín ngưỡng Phật giáo của họ là tín ngưỡng Phật giáo Theravada. Đồng bào Khmer Nam bộ nói chung sử dụng đạo Phật như một tôn giáo của dân tộc mình, các giá trị của tôn giáo đó dần chuyển thành tín ngưỡng của dân tộc (ở đây ta tạm gọi là tín ngưỡng Phật giáo). Theravada là một bộ học thuyết được các bậc Trưởng lão (Trưởng lão bộ) kiết tập lần thứ nhất sau

khi đức Phật niết bàn. Trưởng lão bộ là tập hợp tất cả các bài thuyết giảng của đức Phật, những

người thực hành theo bộ này ta thường gọi là Phật giáo nguyên thủy (hay tiểu thừa). Bộ kinh này sau khi kiết tập đã nhanh chóng lan truyền đến cư dân trong tiểu vùng Đông Nam Á qua đường biển từ phía Nam. Do đó ta thường gọi tôn giáo của người Khmer là Phái Nam tông, Đạo Phật nguyên thủy, Phái Tiểu thừa hay Phật giáo Nam tông Khmer Nam bộ. (Huỳnh Thanh Quang, 2011)

Do mang trong mình tính ngưỡng Phật giáo nên các tín ngưỡng của đồng bào dân tộc Khmer cũng gắn chặt với tôn giáo. Ngôi chùa của người Khmer là một giá trị văn hóa vật thể đặc biệt. Đó là nơi tập hợp cư dân trong vùng, là nơi diễn ra hầu hết các lễ hội cộng đồng. Các lễ hội tôn giáo này vẫn còn được đồng bào Khmer gìn giữ và thực hành như lễ ban hành giáo lý (Bon meakh bâuchea), lễ Phật đản (bon pisakh bâuchea), lễ nhập hạ (bon chaul vâssa), lễ xuất hạ (bon chênh vâssa), lễ xuất trần (bon asoch bâuchea), lễ dân áo cà sa (hay lễ dân y - kathin năh tean), lễ an vị tượng Phật (bon putthea phisik), lễ kết giới (khánh thành chính điện – bon bânchoh seima), lễ kết giới tạm (bon bânchoh kôl), lễ hội linh (bon pchum bôn), lễ cầu siêu (bon băng skâul), lễ đại cầu siêu (chhak môha băng châul), lễ ngàn núi (bon phoum pon), lễ đi tu (bon bâm bous)...(Huỳnh Thanh Quang, 2011; Thái Văn Chải, 1997). Tất cả những lễ hội đó tuy rằng chỉ là lễ hội của tôn giáo nhưng vào những ngày này hầu hết những bà con người Khmer đều tham gia như thực hiện trách nhiệm của mình với cộng đồng.

Họ cùng với nhau, người có công người có của “hùn nhau làm phước”, như cách nói của người dân Khmer. Những lễ hội đó đã được đồng bào Khmer gìn giữ và duy trì thực hành từ bao đời nay. Tôn giáo chuyển dần sang tín ngưỡng những tưởng sẽ làm mất đi giá trị vốn có của

văn hóa tôn giáo. Nhưng dân tộc Khmer đã gìn giữ nó một cách trọn vẹn thực hành một cách rất ráo không xê xòa, qua loa. Tạo nên sắc màu riêng biệt trong các lễ hội tôn giáo so với một số dân tộc khác.

Giá trị văn hóa tôn giáo, tín ngưỡng của dân tộc Khmer còn biểu hiện rõ ở vị trí nhà Sư. Sư cả của một ngôi chùa là trung tâm đoàn kết của cả phum, sóc. Ngày trước, khi hệ thống pháp luật vẫn còn hạn chế thì Sư cả có vị trí như một “quan tòa”. Ngôi chùa và nhà Sư của người Khmer là người nắm giữ, lưu giữ hầu hết những giá trị văn hóa. Những lễ hội lớn của cộng đồng, không nhất thiết phải là lễ hội tôn giáo thì nhà Sư vẫn có một vị trí nhất định. Trong một cuộc lễ hội nào đó (ví như Lễ hội đua ghe ngo) thì nhà Sư là người quyết định mọi việc, từ việc tuyển chọn, phân công người tham gia lễ hội, đến việc hạ thủy ghe ngo, ngày giờ tập luyện...(Huỳnh Thanh Quang, 2011; Nguyễn Mạnh Cường, 2002)

Vị trí của nhà sư luôn ở vị trí trang trọng nhất trong các lễ hội nên con trai trong các gia đình Khmer đến 12 tuổi thường được đưa vào chùa đi tu. Đi tu không phải là nhu cầu, mục đích cá nhân, mà là một tập tục, một sắc thái của người dân Khmer, việc đi tu này là hoàn toàn tự nguyện, có người tu 3 ngày, có người tu 3 năm hay lâu hơn. Đi tu với người Khmer là để thành người, để xã hội nhìn nhận như một người có đầy đủ tư cách về đạo đức (trả ơn cha mẹ) và văn hóa (học tập văn chương, ngôn ngữ, phong tục...).

2. VĂN HÓA KHMER - BIỂU TRƯNG GIÁ TRỊ VĂN HOÁ DÂN GIAN

Tín ngưỡng Tô tem của người Khmer Nam bộ cũng khắc rõ hình tượng, hoàn cảnh sống của một tộc người trên vùng đồng bằng trũng nước. Do đó không phải ngẫu nhiên hình tượng con rắn Naga được người Khmer chọn làm hình tượng chạm trổ trên các xà nhà, đầu cột, trên

các vật dụng thờ cúng, trang trí trong nhà. Đặc biệt rắn thần Naga còn được xem là tổ tiên của dân tộc Khmer qua truyền thuyết về sự phối ngẫu giữa Preak Thôn, con trai thần Mặt trời và nàng Neak, con gái vua rắn Naga. Nhận thức được giá trị văn hóa của tín ngưỡng này nên hầu hết người dân Khmer không di cư, di canh, mà luôn “bám trụ” với vùng sông nước Nam bộ này, nơi đã sinh ra tổ tiên của mình. Dường sức dẻo dai của loài rắn nước Naga mà sinh sống và phát triển trên vùng nê địa đầm lầy Nam bộ. nhân đó cũng sản sinh ra nhiều lễ hội mang màu sắc của nền văn minh lúa nước như cúng trắng, đua ghe ngo, đua bò...

Từ khi được sinh ra đời đến khi trở lại với tổ tiên, người Khmer Nam bộ cũng như các tộc người khác luôn có nhiều lễ hội ghi dấu sự có mặt của mình trên thế gian này và sự hàm ơn đối với các thế lực siêu nhiên. Những lễ hội đó phần nào phản ánh được sắc màu văn hóa mang dấu ấn dân tộc tính của họ, đối với người Khmer đó là: lễ cắt tóc trả ơn mẹ (pithi kat sâk bang kâk chmâp), lễ giáp tuổi (pithi kat chup), lễ lên nhà mới (pithi long phteah thmây), lễ cúng ông bà (pithi đăun long neaka), lễ xức hồn (pithi chênch chât prô lung), lễ nhập thần (pithi đăun long arăk), lễ cúng sân lúa (pithi sên lean), lễ cúng tổ (pithi thvay kru), lễ chúc thọ (bon châmronpreah chôn), lễ cầu an (pithi kâm san srol), lễ dâng phước (bonđă), lễ giỗ (bon khnop 100 thngai - giỗ 100 ngày, bon khnop chnăm – giỗ năm/hàng năm), lễ dâng bông (bon khkar), lễ khánh thành (bon sâm pith) (Huỳnh Ngọc Trảng, Văn Xuân Chí, Hoàng Túc, Đặng Vũ Thị Thảo, và Phan Thị Yến Tuyết, 1987)... những lễ hội đó được thực hiện tại nhà một gia chủ nào đó nhưng không vì thế mà có thể bỏ qua những tiết lễ.

Nói đến lễ hội dân gian của đồng bào Khmer Nam bộ có thể nhắc ngay đến lễ hội đua bò của

vùng Bảy núi - An Giang và lễ hội đua ghe ngo ở Sóc Trăng. Đây là hai lễ hội mang tính đặc thù chuyên biệt của người Khmer Nam bộ. Một lễ hội mang tính hàm ơn đối với thời tiết thiên nhiên, vật nuôi trong việc canh tác nông nghiệp góp phần cho mùa vụ bội thu tạo nên sức sống, sự phát triển trong đời sống của người nông dân Nam bộ; một lễ hội mang tính gợi nhớ tới quá trình khai phá vùng đất hoang vu, quá trình đấu tranh giữa các thế lực để bảo vệ cương thổ. Những giá trị đó nhất định không thể bị mai một được.

Bên cạnh những giá trị văn hóa của lễ hội dân gian như trên thì những giá trị văn hóa của các loại hình nghệ thuật đang được bà con người Khmer gìn giữ cũng là giá trị không thể bỏ qua. Nghệ thuật múa dân gian Lâm thôn từ lâu đã là nguồn cảm hứng của biết bao nhà văn, nhà thơ, nhạc sĩ sáng tác nên những ca khúc ru ngọt lòng người. Nghệ thuật múa trống sadâm, nghệ thuật múa cổ rôbăm, nghệ thuật hát aday, nghệ thuật tuồng cổ dikê, dukê... tất cả đều có giá trị văn hóa riêng biệt cần phải kiểm kê một cách kỹ lưỡng nhằm gìn giữ và lưu truyền cho hậu thế.

Không chỉ có vậy, giá trị văn hóa truyền thống mang đậm bản sắc của dân tộc Khmer trên vùng đất này còn có những ngành nghề nông nghiệp truyền thống như làm lúa nước, làm khô, chế biến thức ăn..., đặc biệt món mắm pàhoóc và cốm dẹp nổi tiếng thơm ngon, là đặc sản mang dân tộc tính rõ rệt của người dân Khmer Nam bộ. Bên cạnh đó là những vật dụng sinh hoạt hằng ngày, vật dụng bắt cá,...do người Khmer chế tác ra cũng có phần khác biệt với nhiều dân tộc khác. Bên cạnh văn hóa lễ hội truyền thống, văn hóa nghệ thuật thì văn hóa ẩm thực và ngành nghề truyền thống có giá trị đặc biệt quan trọng cần phải ra sức kiểm kê và gìn giữ cẩn thận. Đó là cách ứng xử khoa học và văn minh đối với các giá trị văn hóa.

3. NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA VĂN HOÁ KHMER ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA ĐẤT NƯỚC.

Một là, văn hóa Khmer có nhiều đóng góp trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

Trong tiến trình phát triển của lịch sử dân tộc, đồng bào các dân tộc nói chung và đồng bào dân tộc Khmer nói riêng giàu truyền thống đoàn kết, yêu nước, yêu lao động, sống nhân nghĩa, vượt qua muôn ngàn thử thách của điều kiện tự nhiên và xã hội để tồn tại và phát triển. Trước khi có Đảng, thực dân Pháp đã thực hiện chính sách “chia để trị” gây nên những hậu quả nghiêm trọng trong quan hệ giữa các dân tộc anh em. Từ ngày có Đảng lãnh đạo, người Khmer ở Nam Bộ tự giác đấu tranh, tình đoàn kết các dân tộc Kinh, Khmer và Hoa được củng cố, tăng cường. Tổ chức Đảng đã tập trung xây dựng, củng cố khối đoàn kết các dân tộc, lãnh đạo quần chúng đấu tranh chống âm mưu thống trị và khai thác thuộc địa của thực dân Pháp; vận động đồng bào Khmer tích cực tham gia vào “Hội tương tế ái hữu” “Nông hội đỏ”, “Cứu tế đỏ”, “Hội ủng hộ Issarāk”, “Hội Cao Miên tự do”, “Ban Sãi vận”... giác ngộ đồng bào Khmer đấu tranh giành độc lập dân tộc; tiêu biểu là cuộc đấu tranh của người Khmer ở Rạch Giá do Mai Văn Dung chỉ huy, đã tổ chức phục kích, cắt đường giao thông, tiêu diệt các phương tiện của thực dân Pháp, làm chủ được nhiều vùng rộng lớn (Huỳnh Ngọc Trảng & cs., 1987). Qua các phong trào đấu tranh dưới sự lãnh đạo của Đảng, đồng bào Khmer ngày càng nhận thức rõ hơn khả năng và sức mạnh to lớn của chính cộng đồng của mình, tin tưởng vào sự nghiệp đấu tranh cách mạng, chống chế độ thuộc địa, phong kiến, chống phát xít, đòi quyền tự do, dân chủ của nhân dân. Nhiều thanh niên, trí thức Khmer Nam Bộ đã giác ngộ lý tưởng cách mạng của Đảng tích cực tuyên truyền, vận động

đồng bào Khmer tham gia Tổng khởi nghĩa giành chính quyền, góp phần làm nên thắng lợi của Cách mạng Tháng 8 năm 1945.

Sau năm 1945, thực dân Pháp trở lại xâm lược Nam Bộ, cuộc kháng chiến toàn diện chống thực dân Pháp đã thu hút được đông đảo đồng bào Khmer tham gia, nhiều căn cứ kháng chiến của lực lượng yêu nước vùng Tây Nam Bộ đã được xây dựng và phát triển trong vùng đồng bào Khmer tạo tiền đề quan trọng trong công cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, như: Căn cứ Trà Cú - Trà Vinh; Mỹ Xuyên, Long Phú, Vĩnh Châu - Sóc Trăng; U Minh, Vĩnh Lợi, Ngọc Hiển, Trần Văn Thời - Cà Mau...(Huỳnh Ngọc Trảng & cs., 1987)

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đồng bào Khmer Nam Bộ đã tích cực tham gia Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam. Dưới ngọn cờ chính nghĩa, đoàn kết chiến đấu của Mặt trận, lực lượng cách mạng trong vùng dân tộc Khmer phát triển nhanh chóng thu hút đông đảo sư sãi và đồng bào Khmer tham gia vào các tổ chức cách mạng, như: Ban Khmer vận khu Tây Nam Bộ, Ban Khmer vận các tỉnh, huyện, xã và phát triển cơ sở cách mạng trong giới sư sãi. Nhiều vị sư sãi Khmer đã hoàn tục trực tiếp cầm súng tham gia kháng chiến; nhiều phong trào đấu tranh, biểu tình công khai của đồng bào và sư sãi Khmer chống chính quyền tay sai của Mỹ - Ngụy, như: Chống đồn dân, chống bán phá chùa chiền, chống lấy chùa làm đồn bót, chống đàn áp đã diễn ra khắp nơi ở Nam Bộ. Tiêu biểu là cuộc đấu tranh của hơn hai vạn đồng bào dân tộc Khmer ở Trà Vinh năm 1967; cuộc đấu tranh của hơn hai trăm sư sãi ở Rạch Sỏi (Kiên Giang); cuộc đấu tranh của bốn vạn người Khmer ở Trà Cú (Cửu Long) đã biểu thị tinh thần đấu tranh bất khuất của đồng bào Khmer Nam Bộ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. (Huỳnh Ngọc Trảng & cs., 1987)

Trong 2 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ, nhiều ngôi chùa của bà con Khmer đã trở thành cơ sở cách mạng. Tỉnh Bạc Liêu có chùa Kosthum, xã Ninh Thạnh Lợi,

chùa Địa Chuối, xã Vĩnh Bình, chùa Dì Quán, xã Ninh Quới; tỉnh Hậu Giang có chùa Bôây Sêây Chum xã Xà Phiên; tỉnh Trà Vinh có chùa Phnô Om Pung...

Bảng 1. Số chùa chiến là cơ sở cách mạng ở vùng

STT	Tỉnh (Địa phương)	Số lượng chùa
1.	Sóc Trăng	39
2.	Trà Vinh	54
3.	Cần Thơ	6
4.	Vĩnh Long	6
5.	Cà Mau	6

Những năm qua, Ban trị sự Giáo hội Phật giáo tỉnh Trà Vinh nói chung và Hội đoàn kết sư sãi yêu nước tỉnh Trà Vinh nói riêng đã có nhiều hoạt động góp phần vào phong trào thi đua yêu nước của tỉnh.

Hội đoàn kết sư sãi yêu nước tỉnh Trà Vinh đã tích cực động viên, khích lệ sư sãi, tín đồ tham gia vào các hoạt động đạo đời hài hoà; tuyên truyền, vận động các chư tăng, phật tử, thế hệ trẻ nâng cao trình độ học vấn, duy trì tiếng Khmer; tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các cuộc vận động, phong trào do Mặt trận phát động theo hướng đồng lòng, từ đó phát huy vai trò của Hội trong củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước đã có nhiều sư sãi và đồng bào dân tộc Khmer đã dũng cảm hy sinh cho sự nghiệp cách mạng, như: Hòa thượng Hữu Nhem, Thạch Thị Thanh, Neang Ghét, Danh Thị Tươi, Thạch Ngọc Biên, Kdam; nhiều chiến sỹ là người dân tộc Khmer đã được phong tặng danh hiệu Anh hùng, như: Kiên Thị Nhẫn, Lâm Sắc, Sơn Ton, Lâm Tương, Châu Pút; nhiều sư sãi đã giữ cương vị cao trong Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, như:

Hòa thượng Sơn Vọng, nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Giải phóng miền Nam Việt Nam, nguyên Phó chủ tịch Ủy ban Bảo vệ hòa bình thế giới của Mặt trận Giải phóng miền Nam Việt Nam; Hòa thượng Thạch Sơn, nguyên Hội trưởng Hội đồng sư sãi yêu nước khu vực Tây Nam Bộ; Hòa thượng Lui Sa Rat; nguyên Chủ tịch Mặt trận Giải phóng tỉnh Trà Vinh... Đảng đã giác ngộ, dìu dắt nhiều người con ưu tú của dân tộc Khmer tham gia cách mạng, trở thành đảng viên và nắm giữ các chức vụ quan trọng của Đảng, Nhà nước, như: Ông Sơn Thông, nguyên Khu ủy viên khu Tây Nam Bộ, ông Lâm Phái, nguyên Phó Trưởng ban Dân tộc Trung ương, ông Trịnh Thới Cang, nguyên Khu ủy viên khu Tây Nam Bộ; ông Thạch Sên, nguyên Phó Bí thư Tỉnh ủy Sóc Trăng; ông Huỳnh Cương, nguyên Ủy viên Ủy ban Trung ương Mặt trận Giải phóng miền Nam Việt Nam, nguyên Cố vấn Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, nguyên Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa VII...

Hầu hết các tỉnh thuộc Tây Nam Bộ đều có mẹ Việt Nam Anh hùng là người Khmer như bảng 2.

Bảng 2. Số lượng mẹ Việt Nam anh hùng là người Khmer

STT	Tỉnh (Địa phương)	Số lượng Mẹ Việt Nam anh hùng là người Khmer
1.	Sóc Trăng	24
2.	Trà Vinh	42
3.	Vĩnh Long	8
4.	Kiên Giang	7
5.	Bạc Liêu	3
6.	Cà mau	3
7.	Cần Thơ	2

Bên cạnh đó, đã có nhiều sư sãi và trí thức Khmer đã bị địch bắt, tù đầy ở Côn Đảo, như: Hòa thượng Tăng Hô, Lui Sa Rat, các ông Sơn Phi, Thạch Chơ, Thạch Hoa...(Vũ Minh Giang, 2008)

Từ sau giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước đến nay, thực hiện chính sách dân tộc “Bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng tiến bộ”, Đảng, Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách nhằm phát triển vùng đồng bào Khmer. Chỉ thị số 117-CT/TW ngày 29/9/1981 về công tác đối với đồng bào Khmer; Chỉ thị số 68 về công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer; Chỉ thị 122 của Thủ tướng Chính phủ về công tác đối với đồng bào Khmer; Kết luận số 28-KL/TW, ngày 14/8/2013 của Bộ Chính trị về “Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh, quốc phòng vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020” và mới đây Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ban hành Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 10/1/2018 “Về tăng cường công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer trong tình hình mới”. Thực hiện các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, các địa phương trong vùng đã triển khai thực hiện, được sự tham gia hưởng ứng tích cực của các vị sư sãi và đồng bào Khmer.

Hai là, văn hóa Khmer Nam Bộ góp phần làm phong phú, đa dạng văn hóa Việt Nam

Nam bộ là vùng đất cư trú lâu đời của người Việt, người Hoa, người Khmer và người Chăm... nhưng những năm gần đây đã có nhiều tộc người từ phía Bắc di cư đến làm ăn, sinh sống. Đối với người Khmer, là cộng đồng người có mặt sớm tại nơi đây, có nhiều đặc trưng văn hoá tiêu biểu và thường gắn chặt với các chùa Khmer. Người Khmer ở Nam bộ sớm hình thành các phum sóc trên các giồng đất cao, gò phù sa cổ, có nguồn nước ngọt, khí hậu thoáng mát nên ít bị ngập nước khi vào mùa lũ. Họ chủ yếu là những cư dân nông nghiệp, hoạt động kinh tế bằng nghề trồng lúa nước và các loại hoa màu. Người Khmer có nền văn hóa truyền thống độc đáo và phong phú; có số đông là tín đồ của Phật giáo Theravada thuộc phái Nam Tông nên những sinh hoạt tôn giáo, nguyên tắc tu hành khác nhiều so với Phật giáo Bắc Tông của người Việt và người Hoa. Mỗi người Khmer hầu như vừa là thành viên của tộc người mình đồng thời cũng là những tín đồ của Phật giáo Theravada. Các chùa Phật giáo Theravada gắn liền với nơi cư trú của người Khmer ở các phum sóc, là nơi không chỉ để sinh hoạt tôn giáo mà còn là trung tâm sinh hoạt văn hóa, giáo dục, xã hội của cộng đồng người Khmer. Nhiều lớp học văn hóa, học ngôn ngữ Khmer cũng được tổ chức tại chùa. Vì vậy, các sư sãi có một vị trí nhất định trong văn hóa và xã hội của cộng đồng người Khmer.

Người Khmer ở Nam bộ có một nền văn hóa đặc sắc, tập quán đa dạng, lễ hội phong phú, có ngôn ngữ chữ viết phát triển lâu đời. Ngoài những sinh hoạt có tính tôn giáo, tín ngưỡng người Khmer Nam bộ còn có những sinh hoạt văn học nghệ thuật rất đa dạng. Nền văn học dân gian của người Khmer là một kho tàng lớn bao gồm nhiều truyện cổ tích, thần thoại, ngụ ngôn, truyện cười, ca dao, tục ngữ, nói lái, câu đố... Vì vậy, văn học dân gian của người Khmer kết hợp với các tộc người khác ở Nam bộ đã làm cho vốn văn hóa dân gian nói riêng, văn hoá của vùng trở nên phong phú và đặc sắc

Trong quá trình hình thành và phát triển, người Khmer cũng như các tộc người khác ở Nam bộ không ngừng mở rộng giao lưu và tiếp biến văn hoá với bên ngoài cũng như giữa họ với nhau. Vì vậy, đã làm cho phong tục tập quán truyền thống của người Khmer và các tộc người khác có những thay đổi theo chiều hướng ngày càng gần nhau. Quá trình đó có những nét văn hóa được bảo tồn, phát triển, có mặt tiếp biến, bổ sung, giao thoa và có mặt biến đổi, thu hẹp và bị hạn chế dần. Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng (30/4/1975), nhiều hoạt động văn hóa, lễ hội của người Khmer có cơ hội trình diễn, có nơi xây dựng được các qui ước về hoạt động văn hóa truyền thống và cũng có nơi vẫn để cho các hoạt động truyền thống diễn biến tự nhiên. Tuy người Khmer ở Nam bộ có quan hệ về nhiều mặt với người Khmer ở Campuchia song văn hóa của người Khmer ở Nam bộ ngày nay có những bản sắc độc đáo riêng mang yếu tố bản địa Nam bộ Việt Nam nên không thể nhầm lẫn với văn hóa của người Khmer thuộc Vương quốc Campuchia ngày nay.

Văn hóa Khmer ở Nam bộ không chỉ gắn với đặc trưng tộc người mà còn là điều kiện bảo đảm cho sự ổn định và phát triển kinh tế - xã hội của cộng đồng. Trong thời gian gần đây, nhất là từ khi cả nước bước vào thời kỳ hòa nhập, phát triển thì văn hóa tộc người Khmer Nam bộ cũng như các tộc người khác có nhiều biến đổi (cả tích cực và tiêu cực). Vì vậy, văn hóa truyền thống nói chung, lễ hội truyền thống của người Khmer Nam bộ nói riêng cần phải

được nghiên cứu một cách toàn diện, cụ thể để góp phần vào việc tổ chức, xây dựng đời sống văn hóa cộng đồng của người Khmer Nam bộ trong tình hình hội nhập hiện nay.

Người Khmer ở Nam bộ có một nền văn hóa phát triển mang đậm yếu tố bản địa Đông Nam Á. Trong quá trình phát triển đã không ngừng giao lưu văn hóa với các tộc người khác như Việt, Chăm, Hoa... để tạo nên bản sắc văn hóa Khmer Nam bộ. Hiện nay, văn hóa Khmer không ngừng tiếp thu và tiếp biến các giá trị văn hóa của nhân loại để bổ sung vào văn hoá của mình ngày càng phong phú, khẳng định bản sắc văn hoá của tộc người Khmer Nam bộ, góp phần tích cực vào sự phát triển vườn hoa đa sắc màu của quốc gia dân tộc Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Ảnh hưởng của Phật giáo Nam tông đối với đời sống văn hóa đồng bào Khmer Đồng bằng sông Cửu Long.(k.n). Truy cập từ <http://btgcp.gov.vn>.

Ban Bí thư Trung ương Đảng, *chỉ thị 68 về công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer.* Truy cập từ <http://dangcongsan.vn>

Huỳnh Thanh Quang. (2011). *Giá trị văn hóa Khmer vùng Đồng bằng sông Cửu Long.* Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật.

Huỳnh Ngọc Trảng., Văn Xuân Chí., Hoàng Túc., Đặng Vũ Thị Thảo. & Phan Thị Yên Tuyết. (1987). *Người Khmer tỉnh Cửu Long, Sở Văn hóa - thông tin Cửu Long.*

Huỳnh Lúa., Lê Quang Minh., Lê Văn Năm. & Đỗ Hữu Nghiêm. (2017). *Lịch sử khai phá vùng đất Nam bộ.* Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyễn Mạnh Cường. (2002). *Vài nét về người Khmer Nam Bộ.* Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học xã hội.

Thái Văn Chải. (1997). *Tiếng Khmer: Ngữ âm - từ vựng - ngữ pháp.* Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học xã hội.

Vũ Minh Giang. (2008). *Lược sử vùng đất Nam bộ.* Hà Nội: Nhà xuất bản Thế giới

